

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HSST
Ngày: 23/3/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khoa Việt và bà Đào Thị Ngâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/HSST ngày 26 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T (tên gọi khác: T; D), sinh năm 1991. ĐKHKTT: Xóm C, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Nguyễn D, sinh năm 1972; Mẹ: Võ Thị Kim A, sinh năm 1973. Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 30/7/2013 bị TAND thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt 07 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS 1999. Chấp hành xong hình phạt ngày 16/3/2018;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Lê Thị Kim K, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Tạm trú: Khu phố N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1974; Địa chỉ: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/9/2020, Nguyễn Đức T đem phụ tùng đến gara S thuộc thôn P, xã B, thành phố T để sửa chữa xe ô tô. Lúc này, T thấy tại sân gara có dựng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS 78H8-NNNN của chị Lê Thị Kim K, trên xe có gắn chìa khóa nhưng không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. T lấy cắp xe mô tô trên đem dựng tại bãi đậu xe của công ty TNHH Vận tải và Thương mại Q có địa chỉ tại KP L, phường C, thành phố T. Đến ngày 20/9/2020, T đem xe mô tô trên về cất giấu tại phòng trọ ở phường P, thành phố T. Sự việc trên sau đó bị phát hiện, chị Lê Thị Kim K yêu cầu T trả xe. Đến ngày 24/9/2020, T nhờ chị Nguyễn Thị Kim C đem xe mà T đã chiếm đoạt trả lại cho chị K.

Kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐ ngày 19/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuy Hòa: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đen xám, biển số 78H8-NNNN có giá trị là 4.500.000 đồng.

Về vật chứng: Tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS 78H8-NNNN, số máy 2Smm, số khung 2Skk.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 24/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo tại cáo trạng 24/CT-VKS ngày 24/02/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 03 năm tù tính từ ngày 05/01/2021. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu trả lại cho chủ sở hữu 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS 78H8-NNNN, số máy 2Smm, số khung 2Skk nên không xem xét.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/9/2020, tại gara S thuộc thôn P, xã B, thành phố T Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô chi Lê Thị Kim K, trị giá 4.500.000 đồng.

Do đó, hành vi bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa và luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Ông ngoại của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất. Do đó cần áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đã trả lại cho chủ sở hữu trả lại cho chủ sở hữu 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS 78H8-NNNN, số máy 2Smm, số khung 2Skk. Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/01/2021.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp Tuy Hòa;
- Công an Tp Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Hằng